

Số: /BC-UBND

Thanh An, ngày tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
Số liệu hiện trạng rừng và đất quy hoạch
lâm nghiệp xã Thanh An năm 2024

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng. Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

Căn cứ Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2014-2016;

Ủy ban nhân dân xã báo cáo số liệu hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn xã đến ngày 31/12/2024 như sau:

I. Số liệu hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp đến 31/12/2024

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã: **3.794,99** ha.

Tổng diện tích đất có rừng chưa bao gồm diện tích có cây trồng phân tán: **2.955,73** ha (Trong đó diện tích rừng trồng chưa thành rừng: **713,52** ha)

Độ che phủ rừng bao gồm cây phân tán: **59,08%**, độ che phủ rừng không bao gồm cây phân tán **59,11%**.

1. Diện tích rừng và đất trống chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp phân theo chức năng, nguồn gốc và loài cây: 2.955,73 ha

- Rừng tự nhiên: 869,04 ha.

- Rừng trồng: 2.086,69 ha (rừng trồng đã thành rừng : 1.373,17 ha, rừng trồng chưa thành rừng: 713,52)

1.1. Rừng tự nhiên: 868,04 ha.

- Phân theo chức năng:

+ Phòng hộ: 838,82 ha;

+ Sản xuất: 30,22 ha;

- Phân theo loài cây:

+ Rừng gỗ thường xanh: 868,04 ha

1.2. Rừng trồng đã thành rừng: 1.373,17 ha

* Phân theo chức năng:

+ Phòng hộ: 126,93 ha;

+ Sản xuất: 1.041,40 ha;

+ Ngoài 03 loại rừng: 204,84 ha.

* Phân theo loài cây:

+ Rừng gỗ: 1.373,17 ha

1.3. Đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp (Bao gồm diện tích rừng trồng chưa thành rừng): 894,90 ha.

* Phân theo chức năng:

+ Phòng hộ: **135,10** ha (*Diện tích rừng trồng chưa thành rừng là 17,38 ha, đất có cây gỗ tái sinh 76,66 ha, đất khác là 41,06 ha*).

+ Sản xuất: **637,09** ha (*Diện tích rừng trồng chưa thành rừng là: 573,43 ha, đất có cây gỗ tái sinh là: 54,78 ha, đất khác là: 8,88 ha*)

1.4. Đất có rừng trồng chưa thành rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp là 122,71 ha.

2. Phân theo nhóm chủ quản lý:

2.1. Chủ rừng nhóm I (Hộ gia đình, UBND xã, cộng đồng dân cư ...)

Chủ rừng nhóm I quản lý rừng, đất quy hoạch lâm nghiệp và đất có rừng trồng chưa thành rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp là 2.036,26 ha, bao gồm:

- Rừng tự nhiên: 30,22 ha;

- Rừng trồng: 1.246,24 ha.

- Rừng trồng chưa thành rừng: 696,14 ha;

- Đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp (*Đất có cây gỗ tái sinh và đất khác*) là 63,66 ha.

2.2. Chủ rừng nhóm II:

2.2.1. Trạm Quản lý rừng phòng hộ Minh Long: 1.100,85 ha

a) Phân theo nguồn gốc:

- Rừng tự nhiên: 838,82 ha.

- Rừng trồng: 126,93 ha.

- Rừng trồng chưa thành rừng: 17,38 ha;

- Đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp (không bao gồm diện tích rừng trồng chưa thành rừng): 117,72 ha.

II. Nguyên nhân thay đổi diện tích rừng và đất lâm nghiệp:

Diện tích rừng năm 2024 giảm so với năm 2023 là: 23,27 ha.

1. Thay đổi về diện tích rừng trồng:

Diện tích rừng trồng sản xuất của cá nhân, hộ gia đình năm 2024 giảm so với năm 2023 là 23,27 ha (do diện tích khai thác năm 2024 là -397,80 ha, chăm sóc diện tích rừng trồng chưa thành rừng là +374,53 ha, nguyên nhân khác -2,18 ha)

2. Độ che phủ của rừng năm 2024: 59,11%.

(Có hệ thống biểu mẫu từ Biểu số 01 đến Biểu số 04 kèm theo)

UBND xã Thanh An kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- Trạm QLVR huyện;
- TT ĐU; TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Kiểm lâm địa bàn xã;
- Công chức Địa chính xã;
- Lưu: VT.
- .

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Dục

;